

PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ: KINH NGHIỆM CỦA ẤN ĐỘ VÀ GỢI MỞ CHO VIỆT NAM

Đặng Thu Thủy¹
Email: thuy0183@gmail.com

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 30/09/2025

Ngày phản biện đánh giá: 30/10/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 17/11/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.931

Tóm tắt: Kinh tế số đang trở thành động lực tăng trưởng chủ chốt toàn cầu, tác động mạnh đến mô hình kinh doanh, tương tác xã hội và quản trị quốc gia (OECD, 2019). Trong bối cảnh này, Ấn Độ nổi lên như một trong những thị trường kỹ thuật số lớn và năng động nhất thế giới, với kinh tế số đóng góp 11,74% GDP năm 2022-23 và dự báo đạt gần 20% GDP vào năm 2029-30 (PIB, 2025a). Bài nghiên cứu phân tích toàn cảnh kinh tế số Ấn Độ từ quy mô, tốc độ tăng trưởng, các lĩnh vực mũi nhọn đến chính sách thúc đẩy và những thách thức còn tồn tại. Đồng thời, nghiên cứu đánh giá hiện trạng và tiềm năng kinh tế số Việt Nam, quốc gia có nền kinh tế số chiếm khoảng 16,5% GDP năm 2023 và hướng tới 30% vào năm 2030 (VnEconomy, 2024; UNCTAD, 2024). Thông qua so sánh hai quốc gia, nghiên cứu chỉ ra bài học kinh nghiệm và gợi ý chính sách giúp Việt Nam tối đa hóa cơ hội và vượt qua thách thức trong kỷ nguyên số, hướng tới phát triển bền vững.

Từ khóa: kinh tế số, kinh nghiệm, Ấn Độ, Việt Nam

I. Đặt vấn đề

Trong kỷ nguyên cách mạng công nghiệp 4.0, kinh tế số đã trở thành một yếu tố then chốt, định hình lại cấu trúc kinh tế toàn cầu và mang lại những cơ hội phát triển chưa từng có cho các quốc gia. Sự hội tụ của công nghệ thông tin, truyền thông và internet đã tạo ra một không gian kinh tế mới, nơi các hoạt động sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng được thực hiện chủ yếu thông qua các nền tảng kỹ

thuật số. Điều này không chỉ thúc đẩy năng suất, hiệu quả mà còn mở ra những mô hình kinh doanh sáng tạo, tạo ra việc làm mới và nâng cao chất lượng cuộc sống (OECD, 2019).

Ấn Độ, với dân số khổng lồ và sự bùng nổ của công nghệ, đã nhanh chóng vươn lên trở thành một cường quốc kinh tế số. Các sáng kiến của chính phủ như “Digital India” đã tạo ra một môi trường thuận lợi cho sự phát triển của các lĩnh

¹ Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

vực như thương mại điện tử, thanh toán số, trí tuệ nhân tạo (AI) và chuỗi khối (blockchain). Sự tăng trưởng ấn tượng của kinh tế số Ấn Độ không chỉ thể hiện qua quy mô thị trường mà còn qua sự đổi mới liên tục và khả năng thích ứng với các xu hướng công nghệ toàn cầu (PIB, 2025a). Còn Việt Nam, một quốc gia đang phát triển năng động ở Đông Nam Á, cũng đã nhận thức rõ tầm quan trọng của kinh tế số. Với dân số trẻ, tỷ lệ sử dụng internet và điện thoại thông minh cao, Việt Nam có tiềm năng lớn để phát triển kinh tế số. Chính phủ Việt Nam đã và đang triển khai nhiều chương trình, chính sách nhằm thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, hướng tới mục tiêu đưa kinh tế số trở thành động lực tăng trưởng chính của đất nước.

Bài viết này nhằm mục đích phân tích chuyên sâu về kinh tế số Ấn Độ, làm nổi bật những thành tựu, chính sách và thách thức mà quốc gia này đã trải qua. Từ đó, chúng tôi sẽ so sánh với hiện trạng của kinh tế số Việt Nam, chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt. Dựa trên những phân tích này, bài viết sẽ đề xuất các gợi mở chính sách cụ thể và thiết thực cho Việt Nam, nhằm học hỏi từ kinh nghiệm của Ấn Độ để đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh và đạt được sự phát triển bền vững trong tương lai.

II. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện dựa trên phương pháp tổng quan tài liệu thứ cấp, kết hợp với phân tích so sánh chính sách giữa Ấn Độ và Việt Nam. Quy trình nghiên cứu bắt đầu bằng việc xác định rõ phạm vi và các câu hỏi so sánh trọng tâm, bao gồm: quy mô kinh tế số, tốc độ tăng trưởng, các lĩnh vực mũi nhọn, chính sách thúc đẩy, và những thách thức hiện hữu.

Sau đó, các số liệu và chỉ báo liên quan được tổng hợp một cách có hệ thống từ các nguồn chính thức và tài liệu học thuật uy tín như OECD, UNCTAD, các báo cáo từ chương trình Digital India, Bộ Điện tử và Công nghệ thông tin Ấn Độ (MeitY), cùng các báo cáo và chuyên san thị trường chuyên ngành. Để đảm bảo tính chính xác và đồng bộ, dữ liệu được chuẩn hóa về thời điểm báo cáo và tiến hành đối chiếu chéo. Quá trình này nhằm mục đích rút ra những bài học kinh nghiệm sâu sắc và đưa ra các gợi ý chính sách thiết thực cho Việt Nam.

III. Kinh tế số tại Ấn Độ

3.1. Tổng quan và quy mô

Kinh tế số Ấn Độ đã chứng kiến sự tăng trưởng vượt bậc trong những năm gần đây, trở thành một trong những động lực chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế quốc gia. Theo MeitY, kinh tế số của Ấn Độ dự kiến sẽ đóng góp gần 1/5 vào thu nhập quốc dân vào năm 2029-2030 (PIB, 2025b). Tỷ trọng của kinh tế số trong tổng giá trị gia tăng (GVA) của Ấn Độ đã tăng từ 5,4% lên 8,5% trong giai đoạn 2014-2019, với tốc độ tăng trưởng 15,6%, nhanh hơn 2,4 lần so với tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế (Digital India, 2022). Quy mô của kinh tế số Ấn Độ được dự báo sẽ đạt 1 nghìn tỷ USD vào năm 2028 (The Economic Times, 2024). Sự tăng trưởng này là do Ấn Độ là quốc gia có dân số trẻ, am hiểu công nghệ và ngày càng có nhiều người sử dụng internet. Tính đến giữa năm 2024, Ấn Độ có hơn 650 triệu người dùng điện thoại thông minh và số lượng thuê bao internet đã vượt quá 950 triệu. Sự phổ biến của internet và điện thoại thông minh đã tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của các lĩnh vực kinh tế số chủ chốt (Mekong Asean, 2023).

Các lĩnh vực mũi nhọn của kinh tế số Ấn Độ bao gồm thương mại điện tử, thanh toán số, công nghệ tài chính (fintech), trí tuệ nhân tạo (AI) và công nghệ chuỗi khối (blockchain). Thị trường thương mại điện tử của Ấn Độ đạt giá trị 125 tỷ USD vào năm 2024 và dự kiến sẽ tăng lên 345 tỷ USD vào năm 2030, với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) là 21% (Business Standard, 2025). Sự tăng trưởng này nhờ vào số lượng người mua sắm trực tuyến ngày càng nhiều, đặc biệt là từ các thành phố cấp II và cấp III. Trong lĩnh vực thanh toán số, Ấn Độ đã đạt được những thành tựu đáng kể, đặc biệt với sự ra đời của Giao diện thanh toán hợp nhất (UPI). UPI đã cách mạng hóa hệ thống thanh toán của Ấn Độ, giúp chuyển đổi từ nền kinh tế chủ yếu dựa vào tiền mặt sang thanh toán kỹ thuật số. Trong năm tài chính 2023-2024, tổng khối lượng giao dịch kỹ thuật số tại Ấn Độ đã đạt 18,737 tỷ giao dịch, với tốc độ CAGR là 44% từ năm tài chính 2017-2018 (Department of Financial Services, 2024). Ấn Độ hiện chiếm gần một nửa số giao dịch thanh toán thời gian thực toàn cầu. Thị trường fintech của Ấn Độ cũng đang phát triển mạnh mẽ, với giá trị ước tính 44,12 tỷ USD vào năm 2025 và dự kiến sẽ đạt 95,30 tỷ USD vào năm 2030 (Mordor Intelligence, 2025). Lĩnh vực này bao gồm nhiều phân khúc như cho vay kỹ thuật số, quản lý tài sản, bảo hiểm và thanh toán. Sự đổi mới trong fintech được hỗ trợ bởi các chính sách thuận lợi và nhu cầu ngày càng tăng về các dịch vụ tài chính dễ tiếp cận. Đầu tư vào AI và blockchain cũng đang gia tăng tại Ấn Độ. Ấn Độ xếp thứ 10 toàn cầu về đầu tư tư nhân vào AI vào năm 2023, với 1,4 tỷ USD (Akashvani, 2025). Chính phủ Ấn Độ cũng đã công bố khoản đầu tư 1,25 tỷ USD vào AI thông qua sứ mệnh IndiaAI,

bao gồm tài trợ cho các công ty khởi nghiệp AI và phát triển AI trong nước. Mặc dù còn nhiều thách thức, Ấn Độ đang nỗ lực để trở thành một trung tâm AI toàn cầu. Đối với blockchain, mặc dù chưa có số liệu đầu tư cụ thể, nhưng chính phủ Ấn Độ đã nhận thấy tiềm năng của công nghệ này trong việc cải thiện hoạt động của khu vực công và tư nhân (Reuters, 2025)

Các công ty công nghệ lớn của Ấn Độ như Infosys (19 tỷ USD doanh thu năm 2024), Tata Consultancy Services (TCS) (29 tỷ USD doanh thu năm 2024) và Wipro (11 tỷ USD doanh thu năm 2024) đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy kinh tế số (International Trade Administration, 2024a). Bên cạnh đó, các công ty toàn cầu như Microsoft, Oracle, IBM, Google và Amazon cũng có sự hiện diện mạnh mẽ tại thị trường Ấn Độ. Trong lĩnh vực thương mại điện tử, Flipkart (thuộc sở hữu của Walmart), Amazon và Reliance Jiomart là những người dẫn đầu, trong khi Paytm, PhonePe, Google Pay và BharatPe thống trị mảng thanh toán số (International Trade Administration, 2024b).

3.2. Chính sách và sáng kiến thúc đẩy

Sự phát triển vượt bậc của kinh tế số Ấn Độ không thể tách rời khỏi các chính sách và sáng kiến mạnh mẽ từ chính phủ. Chương trình “Digital India” được khởi xướng vào năm 2015 là một nỗ lực toàn diện nhằm chuyển đổi Ấn Độ thành một xã hội và nền kinh tế tri thức kỹ thuật số. Chương trình này tập trung vào ba lĩnh vực chính: xây dựng hạ tầng kỹ thuật số an toàn và ổn định, cung cấp dịch vụ kỹ thuật số theo yêu cầu, và nâng cao năng lực kỹ thuật số cho công dân. Trong khuôn khổ “Digital India”, nhiều sáng kiến quan trọng đã được triển khai (Ministry of Electronics and Information Technology, 2015):

Aadhaar: Hệ thống nhận dạng sinh trắc học lớn nhất thế giới, cung cấp danh tính kỹ thuật số cho hơn 1,3 tỷ người dân, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận các dịch vụ công và tài chính.

UPI là một hệ thống thanh toán tức thời cho phép chuyển tiền giữa các ngân hàng một cách dễ dàng thông qua điện thoại di động. Thành công của UPI đã biến Ấn Độ thành một hình mẫu về thanh toán kỹ thuật số cho nhiều quốc gia khác (European Payments Council, 2024).

DigiLocker: Nền tảng lưu trữ tài liệu kỹ thuật số an toàn, cho phép công dân truy cập và chia sẻ các tài liệu chính thức như bằng lái xe, thẻ PAN, chứng chỉ học tập một cách thuận tiện.

MyGov: Nền tảng tương tác công dân-chính phủ, khuyến khích sự tham gia của người dân vào quá trình hoạch định chính sách và quản trị.

Bên cạnh “Digital India”, các sáng kiến khác như “Make in India” và “Startup India” cũng đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy kinh tế số. “Make in India” khuyến khích sản xuất trong nước, bao gồm cả sản xuất thiết bị điện tử và công nghệ thông tin, giảm sự phụ thuộc vào nhập khẩu và tạo việc làm. “Startup India” hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp bằng cách cung cấp các ưu đãi về thuế, quỹ đầu tư và môi trường pháp lý thuận lợi, giúp các công ty khởi nghiệp công nghệ phát triển và đổi mới.

Chính sách về hạ tầng số cũng là một ưu tiên hàng đầu. Ấn Độ đã và đang đầu tư mạnh vào việc mở rộng mạng 4G và triển khai 5G trên toàn quốc. Mạng 4G đã cải thiện đáng kể tốc độ internet và khả năng kết nối ở cả khu vực thành thị và nông thôn, trong khi 5G được kỳ vọng sẽ thúc đẩy hơn nữa hiệu suất mạng, hỗ trợ các ứng dụng

tiên tiến và thúc đẩy các tiến bộ công nghệ trong tương lai. Chính sách truyền thông kỹ thuật số quốc gia (NDCP) 2018 cũng hỗ trợ tăng trưởng này bằng cách thúc đẩy hạ tầng kỹ thuật số và mở rộng khả năng tiếp cận băng thông rộng (International Trade Administration, 2024a). Các quy định pháp lý liên quan đến dữ liệu và quyền riêng tư cũng được chú trọng. Đạo luật Bảo vệ Dữ liệu cá nhân (DPDP Act) 2023 là một bước tiến quan trọng nhằm bảo vệ quyền riêng tư của công dân Ấn Độ và bảo vệ dữ liệu cá nhân trong bối cảnh kinh tế số phát triển nhanh chóng. Các quy định trước đó như Information Technology Rules (2011) và National Data Sharing and Accessibility Policy (2012) cũng đã đặt nền móng cho việc quản lý dữ liệu, đặc biệt là yêu cầu dữ liệu chính phủ và bản sao lưu tài chính phải được lưu trữ tại Ấn Độ (Brookings, 2018).

3.3. Thách thức và hạn chế

Mặc dù đạt được những thành tựu ấn tượng, kinh tế số Ấn Độ vẫn đối mặt với nhiều thách thức và hạn chế cần được giải quyết để phát huy hết tiềm năng. Một trong những thách thức lớn nhất là *khoảng cách số* giữa khu vực thành thị và nông thôn. Mặc dù số lượng người dùng internet và điện thoại thông minh đã tăng đáng kể, vẫn còn một bộ phận lớn dân số, đặc biệt ở các vùng nông thôn, chưa được tiếp cận đầy đủ với hạ tầng kỹ thuật số và các dịch vụ liên quan (Vision of Humanity, 2024). Sự thiếu hụt điện năng ổn định và chi phí cao để thiết lập mạng băng thông rộng ở các khu vực dân cư thưa thớt là những rào cản đáng kể.

Hạ tầng kỹ thuật số chưa đồng bộ cũng là một vấn đề. Mặc dù có sự mở rộng nhanh chóng của mạng 4G và triển khai 5G, chất lượng kết nối và tốc độ internet vẫn còn khác biệt lớn giữa các vùng. Sự

phát triển chậm và không đồng đều của hạ tầng có thể cản trở việc áp dụng rộng rãi các công nghệ số tiên tiến và các dịch vụ trực tuyến. An ninh mạng và bảo vệ dữ liệu là một mối quan ngại ngày càng tăng. Với sự gia tăng của các giao dịch trực tuyến và lưu trữ dữ liệu cá nhân, nguy cơ về các cuộc tấn công mạng, vi phạm dữ liệu và lừa đảo trực tuyến cũng tăng lên. Việc đảm bảo an toàn và bảo mật cho người dùng và doanh nghiệp là rất quan trọng để duy trì niềm tin vào hệ thống kinh tế số (Carnegie Endowment, 2024).

Các rào cản về quy định và dòng chảy dữ liệu xuyên biên giới cũng là một thách thức. Mặc dù Ấn Độ đã ban hành các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân (DPDP Act 2023), một số chính sách liên quan đến địa phương hóa dữ liệu (data localization) có thể gây khó khăn cho các công ty đa quốc gia và cản trở dòng chảy dữ liệu xuyên biên giới. Các hạn chế này có thể ảnh hưởng đến mô hình kinh doanh, giảm năng suất, đổi mới và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp bằng cách buộc họ phải đầu tư vào các cơ sở dữ liệu kém chất lượng hơn (Brookings, 2018). Ngoài ra, thiếu hụt kỹ năng số trong lực lượng lao động cũng là một rào cản. Mặc dù Ấn Độ có dân số trẻ và am hiểu công nghệ, vẫn còn một khoảng cách lớn giữa các kỹ năng hiện có và những kỹ năng cần thiết cho một nền kinh tế số phát triển. Việc đào tạo và nâng cao kỹ năng cho người lao động là cần thiết để đảm bảo họ có thể tham gia và hưởng lợi từ sự phát triển của kinh tế số.

3.4. Xu hướng tương lai

Kinh tế số Ấn Độ được dự báo duy trì tốc độ tăng trưởng cao trong những năm tới, hướng tới mục tiêu đạt quy mô 1 nghìn tỷ USD vào năm 2028 (The Economic Times, 2024) Để hiện thực hóa mục tiêu

này, trọng tâm sẽ tiếp tục đặt vào việc mở rộng và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật số. Việc triển khai 5G trên diện rộng đóng vai trò then chốt trong việc cung cấp kết nối tốc độ cao và độ trễ thấp, tạo nền tảng cho các ứng dụng tiên tiến như Internet vạn vật (IoT), phương tiện tự hành và đô thị thông minh. Song song đó, các chương trình như BharatNet sẽ mở rộng khả năng tiếp cận internet tới khu vực nông thôn, góp phần thu hẹp khoảng cách số (International Trade Administration, 2024a)

Bên cạnh hạ tầng, quá trình số hóa các ngành kinh tế truyền thống sẽ được đẩy mạnh. Các lĩnh vực sản xuất, nông nghiệp, y tế và giáo dục đang và sẽ tiếp tục ứng dụng công nghệ số nhằm tối ưu hóa quy trình, nâng cao hiệu quả và chất lượng dịch vụ. Trong nông nghiệp, các giải pháp như cảm biến thông minh, phân tích dữ liệu lớn và nền tảng thương mại điện tử đang hỗ trợ nông dân tối ưu sản xuất và tiếp cận thị trường rộng hơn (International Trade Administration, 2024a). Sự phát triển của các dịch vụ kỹ thuật số mới sẽ là động lực tăng trưởng quan trọng. Thương mại điện tử được dự báo mở rộng sâu vào các thị trường cấp II, III; thanh toán số ngày càng phổ biến nhờ các giải pháp thanh toán không tiếp xúc và tích hợp dịch vụ; trong khi đó, đầu tư vào AI và công nghệ chuỗi khối (blockchain) tiếp tục gia tăng, mở ra ứng dụng mới trong nhiều lĩnh vực, từ tài chính tới chăm sóc sức khỏe. Chính phủ giữ vai trò dẫn dắt thông qua các sáng kiến chiến lược như “Digital India” và “National Artificial Intelligence Mission”, đồng thời xây dựng khung pháp lý linh hoạt, cân bằng giữa thúc đẩy đổi mới và bảo đảm an ninh, quyền riêng tư cũng như cạnh tranh công bằng. Sự kết hợp giữa chính sách hỗ trợ, đầu tư hạ tầng và đổi mới công nghệ dự kiến sẽ đưa Ấn

Độ tiến gần tới vị thế một trong những nền kinh tế số hàng đầu thế giới trong tương lai gần

IV. Thực trạng và tiềm năng kinh tế số Việt Nam

4.1. Tổng quan và quy mô

Kinh tế số Việt Nam đang trên đà phát triển mạnh mẽ, được đánh giá là một trong những nền kinh tế số tăng trưởng nhanh nhất khu vực Đông Nam Á. Tính đến năm 2023, kinh tế số Việt Nam đạt tổng giá trị hàng hóa (GMV) 30 tỷ USD và dự kiến sẽ đạt 45 tỷ USD vào năm 2025, với tốc độ CAGR là 19% (International Trade Administration, 2024b). Mục tiêu của Chính phủ Việt Nam là kinh tế số sẽ đóng góp 20% vào GDP vào năm 2025 và 30% vào năm 2030 (MPI, 2024). Trong năm 2024, tỷ trọng kinh tế số trong GDP của Việt Nam ước đạt 18,3%, với tốc độ tăng trưởng vượt 20%/năm, cao gấp 3 lần tốc độ tăng trưởng GDP chung của cả nước (Trọng Đại, 2025). Điều này cho thấy vai trò ngày càng quan trọng của kinh tế số trong cơ cấu kinh tế quốc gia.

Các lĩnh vực phát triển chính của kinh tế số Việt Nam bao gồm thương mại điện tử, thanh toán số và công nghệ thông tin. Thị trường thương mại điện tử Việt Nam được dự báo sẽ vượt 25 tỷ USD vào năm 2024 (Vietnam-Briefing, 2025). Sự tăng trưởng này được thúc đẩy bởi sự gia tăng của người dùng internet, tỷ lệ sử dụng điện thoại thông minh cao và sự phát triển của các nền tảng thương mại điện tử lớn. Thanh toán số cũng đang phát triển nhanh chóng tại Việt Nam. Theo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, trong 10 tháng đầu năm 2024, giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt tăng 50,24% về số lượng và 18,38% về giá trị so với cùng kỳ năm 2023. Các hình thức thanh toán di động

và mã QR ngày càng trở nên phổ biến, góp phần thúc đẩy xã hội không tiền mặt. Ngành công nghệ thông tin (CNTT) là nền tảng vững chắc cho sự phát triển của kinh tế số. Việt Nam hiện có khoảng 70.000 doanh nghiệp CNTT, với tổng doanh thu ước đạt 148 tỷ USD. Các công ty công nghệ lớn của Việt Nam như Viettel, FPT, VNPT đang đóng vai trò dẫn dắt trong việc phát triển hạ tầng số, cung cấp các giải pháp công nghệ và thúc đẩy chuyển đổi số trong nhiều ngành kinh tế.

4.2. Chính sách và định hướng phát triển

Chính phủ Việt Nam đã xác định phát triển kinh tế số là một trong những ưu tiên hàng đầu và đã ban hành nhiều chính sách, chương trình quan trọng để thúc đẩy quá trình này. Nổi bật là Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vào tháng 6 năm 2020 (Chính phủ Việt Nam, 2020). Chương trình này đặt ra các mục tiêu cụ thể về phát triển kỹ thuật số, bao gồm tăng tài khoản thanh toán điện tử, mở rộng vùng phủ cấp quang băng rộng cho hộ gia đình và xã, và phát triển các nền tảng kỹ thuật số cho doanh nghiệp trong các khu công nghiệp và khu chế xuất.

Để điều phối và triển khai các hoạt động chuyển đổi số, Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số đã được thành lập vào tháng 9 năm 2021, do Thủ tướng Chính phủ làm Chủ tịch. Ủy ban này đã xác định bốn trụ cột chính cho sự phát triển của kinh tế số Việt Nam trong năm 2024, bao gồm: ngành công nghệ thông tin, số hóa công nghiệp, quản trị số và dữ liệu số. Điều này thể hiện cách tiếp cận toàn diện của chính phủ trong việc xây dựng một nền kinh tế số vững mạnh. Đầu tư

vào hạ tầng số là một trong những định hướng quan trọng. Chính phủ đã và đang nỗ lực mở rộng mạng lưới băng thông rộng, đặc biệt là cáp quang, đến các vùng nông thôn và vùng sâu vùng xa, nhằm đảm bảo mọi người dân đều có thể tiếp cận internet tốc độ cao. Bên cạnh đó, việc phát triển hạ tầng 5G cũng đang được đẩy mạnh, hứa hẹn mang lại những bước đột phá về kết nối và ứng dụng công nghệ mới (Lã Dịu, 2025).

Ngoài ra, Việt Nam cũng tập trung vào việc xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý cho kinh tế số. Các văn bản pháp luật liên quan đến giao dịch điện tử, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và quản lý các nền tảng số đang dần được xây dựng và cập nhật, tạo hành lang pháp lý vững chắc cho các hoạt động kinh tế số.

4.3. Thách thức và cơ hội

Mặc dù có nhiều tiềm năng và sự hỗ trợ mạnh mẽ từ chính phủ, kinh tế số Việt Nam vẫn đối mặt với một số thách thức đáng kể: (1) Hạ tầng chưa đồng bộ: Mặc dù đã có nhiều nỗ lực, sự chênh lệch về hạ tầng internet tốc độ cao vẫn tồn tại giữa các khu vực, đặc biệt là giữa thành thị và nông thôn. Điều này tạo ra một khoảng cách số, hạn chế khả năng tiếp cận và tham gia vào kinh tế số của một bộ phận dân cư; (2) An ninh mạng: Với sự gia tăng của các hoạt động trực tuyến, nguy cơ về các cuộc tấn công mạng, lừa đảo trực tuyến và vi phạm dữ liệu cũng tăng lên. Việc đảm bảo an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân là một thách thức lớn, đòi hỏi sự đầu tư và nâng cao năng lực liên tục; (3) Nguồn nhân lực: Việt Nam đang đối mặt với tình trạng thiếu hụt nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực công nghệ thông tin và kinh tế số. Mặc dù có dân số trẻ và năng động, nhưng kỹ năng số của lực lượng lao động

chưa đồng đều và chưa đáp ứng kịp tốc độ phát triển của công nghệ và (4) Quản lý thương mại điện tử và thuế: Sự phát triển nhanh chóng của thương mại điện tử cũng đặt ra thách thức trong việc quản lý các hoạt động kinh doanh trực tuyến và thu thuế hiệu quả, nhằm đảm bảo môi trường cạnh tranh công bằng và nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

Bên cạnh những thách thức, Việt Nam cũng sở hữu nhiều cơ hội để phát triển kinh tế số: (1) Dân số trẻ và năng động: Với cơ cấu dân số trẻ, tỷ lệ sử dụng internet và điện thoại thông minh cao, Việt Nam có một thị trường tiềm năng lớn cho các dịch vụ và ứng dụng kỹ thuật số; (2) Sự quan tâm và hỗ trợ của chính phủ: Sự cam kết mạnh mẽ của chính phủ trong việc thúc đẩy chuyển đổi số và phát triển kinh tế số thông qua các chương trình, chính sách và đầu tư là yếu tố then chốt tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển; (3) Vị trí địa lý chiến lược: Việt Nam nằm ở vị trí trung tâm của khu vực Đông Nam Á, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kết nối và hợp tác với các nền kinh tế số khác trong khu vực và trên thế giới và (4) Tiềm năng phát triển các ngành mới: Sự phát triển của các công nghệ như AI, IoT, blockchain mở ra nhiều cơ hội cho Việt Nam để phát triển các ngành công nghiệp mới và tạo ra giá trị gia tăng cao.

V. Bài học kinh nghiệm từ Ấn Độ và gợi mở cho Việt Nam

5.1. So sánh điểm tương đồng và khác biệt

Khi xem xét kinh tế số của Ấn Độ và Việt Nam, chúng ta có thể nhận thấy nhiều điểm tương đồng cũng như những khác biệt đáng kể, từ đó rút ra những bài học quý giá cho Việt Nam.

Điểm tương đồng:

Sự hỗ trợ mạnh mẽ từ chính phủ:

Cả Ấn Độ và Việt Nam đều có sự cam kết mạnh mẽ từ chính phủ trong việc thúc đẩy chuyển đổi số và phát triển kinh tế số. Ấn Độ với các sáng kiến như “Digital India”, “Make in India”, “Startup India” và Việt Nam với “Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia” cùng sự thành lập “Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số” đều cho thấy vai trò dẫn dắt của nhà nước trong quá trình này. Sự hỗ trợ này bao gồm việc xây dựng khung pháp lý, đầu tư hạ tầng và tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp.

Tốc độ tăng trưởng nhanh: Cả hai quốc gia đều đang chứng kiến tốc độ tăng trưởng kinh tế số vượt trội so với tốc độ

tăng trưởng GDP chung. Kinh tế số Ấn Độ tăng trưởng 15,6% (2014-2019), nhanh hơn 2,4 lần so với nền kinh tế tổng thể. Tương tự, kinh tế số Việt Nam tăng trưởng hơn 20%/năm, cao gấp 3 lần tốc độ tăng trưởng GDP. Điều này phản ánh tiềm năng to lớn và sự hấp dẫn của lĩnh vực kỹ thuật số ở cả hai thị trường.

Thách thức chung: Cả Ấn Độ và Việt Nam đều đối mặt với những thách thức tương tự trong quá trình phát triển kinh tế số. Đó là vấn đề về khoảng cách số giữa thành thị và nông thôn, hạ tầng kỹ thuật số chưa đồng bộ, nguy cơ an ninh mạng ngày càng gia tăng, và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên số.

Bảng 1. So sánh thách thức trong phát triển kinh tế số giữa Ấn Độ và Việt Nam

Thách thức	Ấn Độ	Việt Nam
Khoảng cách số	Lớn giữa thành thị và nông thôn	Tồn tại giữa các khu vực, đặc biệt nông thôn
Hạ tầng kỹ thuật số	Chưa đồng bộ, chất lượng kết nối khác biệt	Chênh lệch giữa các khu vực
An ninh mạng	Nguy cơ tấn công mạng, vi phạm dữ liệu tăng	Rủi ro an ninh mạng ngày càng tăng
Nguồn nhân lực	Thiếu hụt kỹ năng số trong lực lượng lao động	Thiếu hụt nhân lực chất lượng cao
Quy định/Pháp lý	Rào cản về quy định, địa phương hóa dữ liệu	Quản lý thương mại điện tử, thuế chưa hiệu quả

Nguồn: Do nhóm tác giả tổng hợp

Điểm khác biệt:

Quy mô và mục tiêu: Kinh tế số của Ấn Độ có quy mô lớn hơn đáng kể và mục tiêu đầy tham vọng hơn. Ấn Độ đặt mục tiêu đạt 1 nghìn tỷ USD vào năm 2028, trong khi Việt Nam dự kiến đạt 45 tỷ USD vào năm 2025 và 90-200 tỷ USD vào năm 2030. Sự khác biệt về quy mô này phản ánh sự khác biệt về dân số, quy mô nền kinh tế tổng thể và mức độ thâm nhập của công nghệ.

Hệ sinh thái khởi nghiệp và các công ty công nghệ lớn: Ấn Độ sở hữu một hệ sinh thái khởi nghiệp phát triển mạnh mẽ hơn, với nhiều “kỳ lân” công nghệ và

các công ty IT lớn có tầm ảnh hưởng toàn cầu như Infosys, TCS, Wipro. Việt Nam cũng có các công ty công nghệ lớn như FPT, Viettel, VNPT, nhưng quy mô và tầm ảnh hưởng quốc tế còn hạn chế hơn so với Ấn Độ.

Thành công của UPI: Ấn Độ đã đạt được thành công vang dội với UPI, một hệ thống thanh toán theo thời gian thực đã thay đổi hoàn toàn thói quen giao dịch của người dân và trở thành hình mẫu cho nhiều quốc gia. Việt Nam cũng đang phát triển mạnh mẽ thanh toán không dùng tiền mặt, nhưng chưa có một hệ thống phổ biến và đồng bộ, có khả năng tương tác rộng rãi như UPI.

Chính sách dữ liệu và địa phương hóa: Ấn Độ có các quy định chặt chẽ hơn về địa phương hóa dữ liệu (data localization), yêu cầu dữ liệu phải được lưu trữ trong nước [20]. Điều này có thể tạo ra cả cơ hội (bảo vệ dữ liệu quốc gia) và thách thức (rào cản cho các công ty nước ngoài). Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, nhưng chưa có các yêu cầu địa phương hóa dữ liệu rõ ràng như Ấn Độ.

5.2. Đánh giá chung

Để có cái nhìn toàn diện hơn về tiềm năng và thách thức trong phát triển kinh tế số, nghiên cứu sẽ phân tích so sánh giữa Ấn Độ và Việt Nam dựa trên mô hình SWOT. Dựa trên các thông tin đã thu thập, mô hình SWOT sẽ phù hợp hơn để phân tích nội tại và ngoại cảnh tác động trực tiếp đến kinh tế số của mỗi quốc gia.

Điểm mạnh: Cả Ấn Độ và Việt Nam đều sở hữu những điểm mạnh đáng kể trong phát triển kinh tế số. Ấn Độ nổi bật với nguồn nhân lực IT dồi dào và chất lượng cao, cùng với thị trường nội địa khổng lồ và chính sách hỗ trợ mạnh mẽ từ chính phủ thông qua các sáng kiến như “Digital India”, đặc biệt là hệ thống thanh toán số tiên tiến UPI. Tương tự, Việt Nam cũng có tốc độ tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ, tỷ lệ chấp nhận kỹ thuật số cao với dân số trẻ và am hiểu công nghệ, môi trường pháp lý hỗ trợ cho fintech, và hệ sinh thái thanh toán di động phát triển.

Điểm yếu: Cả hai quốc gia cũng đối mặt với những điểm yếu chung và riêng. Ấn Độ gặp phải khoảng cách số giữa thành thị và nông thôn, hạ tầng kỹ thuật số chưa đồng bộ, sự phụ thuộc vào thuê ngoài phần mềm và thiếu hụt kỹ năng số. Việt Nam cũng chia sẻ những thách thức tương tự về hạn chế tiếp cận vốn cho

startup fintech, thị trường fintech còn phân mảnh và khoảng cách kỹ năng số.

Cơ hội: Những cơ hội cho cả hai quốc gia là rất lớn. Ấn Độ có thể tận dụng đầu tư của chính phủ và khuyến khích vào giáo dục kỹ thuật số, tiếp cận giáo dục trực tuyến, quốc tế hóa thị trường dịch vụ CNTT và hợp tác công tư. Việt Nam cũng có tiềm năng thị trường chưa được khai thác với tỷ lệ lớn dân số chưa được tiếp cận dịch vụ ngân hàng, nhu cầu ngày càng tăng về ngân hàng số và bảo hiểm, và cơ hội hợp tác với các tổ chức tài chính truyền thống.

Thách thức: Song song đó, các thách thức cũng hiện hữu. Ấn Độ phải đối mặt với cạnh tranh toàn cầu, thách thức kinh tế như lạm phát, hạ tầng hạn chế ở nông thôn và khó khăn trong việc theo kịp công nghệ phát triển nhanh chóng. Việt Nam cũng đối mặt với rủi ro an ninh mạng, thách thức về quy định và tuân thủ và hạ tầng chưa hoàn thiện.

Nhìn chung, cả Ấn Độ và Việt Nam đều đang trên đà phát triển kinh tế số mạnh mẽ, nhưng cần tập trung giải quyết các điểm yếu và thách thức chung như khoảng cách số, thiếu hụt kỹ năng và an ninh mạng, đồng thời tận dụng tối đa các cơ hội để đạt được sự phát triển bền vững.

5.3. Gợi mở chính sách cho Việt Nam

Từ những phân tích so sánh sâu sắc về kinh tế số của Ấn Độ và Việt Nam, có thể thấy rằng mặc dù mỗi quốc gia có những đặc thù riêng, nhưng lộ trình phát triển bền vững đều đòi hỏi sự kết hợp hài hòa giữa chính sách vĩ mô, đầu tư hạ tầng, phát triển nguồn nhân lực và đổi mới sáng tạo. Dựa trên những thành công và cả những thách thức mà Ấn Độ đã trải qua, Việt Nam có thể rút ra những gợi mở chính sách chiến lược sau để tối ưu hóa

tiềm năng và vượt qua các rào cản trong kỷ nguyên số:

Phát triển hệ thống thanh toán số quốc gia toàn diện và phổ biến: Thành công của UPI tại Ấn Độ là một minh chứng về khả năng chuyển đổi xã hội và kinh tế khi có một hệ thống thanh toán số quốc gia, dễ sử dụng, an toàn và có khả năng tương tác cao. Việt Nam cần tiếp tục ưu tiên đầu tư vào việc xây dựng và hoàn thiện các nền tảng thanh toán số, hướng tới một hệ thống thống nhất, cho phép liên thông giữa các ngân hàng, ví điện tử và các dịch vụ tài chính khác. Điều này không chỉ giúp giảm chi phí giao dịch, tăng cường tính minh bạch mà còn thúc đẩy tài chính toàn diện, đưa các dịch vụ tài chính đến gần hơn với người dân ở khu vực nông thôn và những đối tượng chưa có tài khoản ngân hàng. Các chính sách khuyến khích sử dụng thanh toán không dùng tiền mặt, đi kèm với các biện pháp bảo mật chặt chẽ và nâng cao nhận thức người dùng, sẽ là chìa khóa để xây dựng niềm tin và thúc đẩy sự chấp nhận rộng rãi.

Kiến tạo môi trường thuận lợi cho hệ sinh thái khởi nghiệp công nghệ và đổi mới sáng tạo: Ấn Độ đã chứng minh vai trò của chính phủ trong việc ươm mầm và phát triển một hệ sinh thái khởi nghiệp sôi động thông qua các sáng kiến như “Startup India”. Việt Nam cần tiếp tục củng cố và mở rộng các chính sách hỗ trợ khởi nghiệp công nghệ, bao gồm việc đơn giản hóa các thủ tục hành chính, cung cấp các gói hỗ trợ tài chính linh hoạt (quỹ đầu tư mạo hiểm, ưu đãi thuế), và xây dựng các chương trình cố vấn, kết nối các startup với các nhà đầu tư, đối tác chiến lược trong và ngoài nước. Hơn nữa, việc khuyến khích văn hóa chấp nhận rủi ro, thử nghiệm và học hỏi từ thất bại là yếu tố then chốt để thúc đẩy đổi mới

sáng tạo, tạo ra những sản phẩm và dịch vụ số có giá trị cao, không chỉ phục vụ thị trường nội địa mà còn vươn ra toàn cầu.

Đầu tư chiến lược vào phát triển nguồn nhân lực số chất lượng cao: Khoảng cách kỹ năng số là một thách thức mang tính cấu trúc đối với cả hai quốc gia. Để đảm bảo Việt Nam có thể tận dụng tối đa lợi thế dân số vàng và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nền kinh tế số, cần có một chiến lược đầu tư toàn diện vào nguồn nhân lực. Điều này bao gồm việc cải cách chương trình giáo dục ở mọi cấp độ, từ phổ thông đến đại học, để tích hợp các kỹ năng số cơ bản và nâng cao. Đặc biệt, cần tập trung đào tạo chuyên sâu trong các lĩnh vực công nghệ mũi nhọn như Trí tuệ nhân tạo (AI), Blockchain, Khoa học dữ liệu, An ninh mạng và Điện toán đám mây. Sự hợp tác chặt chẽ giữa nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức giáo dục là không thể thiếu để thiết kế các chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu thị trường, tổ chức các khóa học ngắn hạn, chứng chỉ chuyên nghiệp và các chương trình đào tạo lại cho lực lượng lao động hiện có, đảm bảo một nguồn cung nhân lực dồi dào và có năng lực cạnh tranh cao.

Hoàn thiện khung pháp lý số rõ ràng, minh bạch và linh hoạt: Một khung pháp lý ổn định, rõ ràng và minh bạch là nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của kinh tế số. Việt Nam cần tiếp tục rà soát, xây dựng và hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân (như Đạo luật DPDP của Ấn Độ), an ninh mạng, quản lý các nền tảng số, thương mại điện tử và các dịch vụ số mới nổi. Điều quan trọng là phải tìm được sự cân bằng tinh tế giữa việc bảo vệ quyền riêng tư của người dùng và thúc đẩy dòng chảy dữ liệu xuyên biên giới - một yếu tố

thiết yếu cho sự phát triển của kinh tế số toàn cầu. Khung pháp lý cần đủ linh hoạt để thích ứng với tốc độ phát triển nhanh chóng của công nghệ, đồng thời tạo điều kiện cho đổi mới mà không gây ra những rào cản không cần thiết cho doanh nghiệp.

Thu hẹp khoảng cách số và phát triển hạ tầng kỹ thuật số đồng bộ: Để đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình chuyển đổi số, Việt Nam cần tiếp tục ưu tiên đầu tư vào việc mở rộng và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật số, đặc biệt là ở các vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa. Điều này bao gồm việc phát triển mạng lưới băng thông rộng chất lượng cao, đẩy mạnh triển khai 5G và đảm bảo khả năng tiếp cận internet với chi phí hợp lý. Các chính sách hỗ trợ việc cung cấp điện thoại thông minh giá rẻ và các dịch vụ số cơ bản cho mọi người dân là cần thiết. Một hạ tầng số mạnh mẽ và đồng bộ sẽ là nền tảng để phát triển các ứng dụng và dịch vụ số tiên tiến, từ đó thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội toàn diện.

Khuyến khích số hóa các ngành kinh tế truyền thống và phát triển các lĩnh vực mũi nhọn: Tương tự như Ấn Độ đang đẩy mạnh số hóa nông nghiệp, sản xuất và y tế, Việt Nam cần có các chính sách cụ thể để khuyến khích và hỗ trợ việc ứng dụng công nghệ số vào các ngành kinh tế truyền thống như nông nghiệp, sản xuất, du lịch, y tế và giáo dục. Điều này không chỉ giúp nâng cao năng suất, tối ưu hóa quy trình, cải thiện chất lượng dịch vụ mà còn tạo ra những giá trị mới và mô hình kinh doanh sáng tạo. Đồng thời, cần xác định và tập trung phát triển các lĩnh vực kinh tế số mũi nhọn có lợi thế cạnh tranh, như Fintech, AI, IoT, và công nghệ chuỗi khối, thông qua các chính sách ưu đãi, đầu tư nghiên cứu và phát triển, và thu hút nhân tài.

Những gợi mở chính sách trên, nếu được triển khai một cách đồng bộ, quyết liệt và có tầm nhìn dài hạn, sẽ giúp Việt Nam không chỉ học hỏi từ những bài học quý giá của Ấn Độ mà còn định vị mình là một quốc gia dẫn đầu trong khu vực về phát triển kinh tế số, hướng tới một tương lai thịnh vượng và bền vững.

VI. Kết luận

Kinh tế số đang định hình lại tương lai của các quốc gia trên toàn thế giới, và cả Ấn Độ lẫn Việt Nam đều đang tích cực tham gia vào cuộc cách mạng này. Ấn Độ, với quy mô khổng lồ và những sáng kiến đột phá như UPI, đã chứng minh tiềm năng to lớn của một nền kinh tế số được hỗ trợ mạnh mẽ bởi chính phủ và sự đổi mới không ngừng. Mặc dù đối mặt với những thách thức về khoảng cách số và hạ tầng, Ấn Độ vẫn đang trên đà đạt được mục tiêu trở thành nền kinh tế số 1 nghìn tỷ USD trong tương lai gần. Việt Nam, với tốc độ tăng trưởng ấn tượng và sự cam kết mạnh mẽ từ chính phủ, cũng đang khẳng định vị thế của mình trong bản đồ kinh tế số khu vực. Tuy nhiên, để phát huy tối đa tiềm năng và vượt qua các rào cản hiện có, Việt Nam có thể học hỏi nhiều từ kinh nghiệm của Ấn Độ. Việc tập trung vào phát triển một hệ thống thanh toán hợp nhất, thúc đẩy mạnh mẽ hệ sinh thái khởi nghiệp, đầu tư vào nguồn nhân lực chất lượng cao, hoàn thiện khung pháp lý và thu hẹp khoảng cách số sẽ là những bước đi chiến lược quan trọng. Tiềm năng phát triển của kinh tế số Việt Nam là rất lớn, được củng cố bởi dân số trẻ, năng động và sự quan tâm sâu sắc của chính phủ. Bằng cách áp dụng những bài học từ Ấn Độ và xây dựng các chính sách phù hợp với bối cảnh đặc thù của mình, Việt Nam hoàn toàn có thể đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số, tạo ra

những đột phá mới và đạt được sự phát triển bền vững trong kỷ nguyên số. Đây không chỉ là một cơ hội mà còn là một yêu cầu cấp thiết để Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh, hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu và mang lại thịnh vượng cho người dân.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Akashvani. (2025). *India ranks 10th with \$1.4 billion private investment in AI: UN*. <https://www.newsonair.gov.in/india-ranks-10th-with-1-4-billion-private-investment-in-ai-un/>
- [2]. Brookings. (2018). *Regulating a digital economy: An Indian perspective*. <https://www.brookings.edu/articles/regulating-a-digital-economy-an-indian-perspective/>
- [3]. Business Standard. (2025). *India's e-commerce to reach \$550 bn by 2035 driven by Tier II-III demand*. https://www.business-standard.com/industry/news/india-retail-industry-ecommerce-growth-550-billion-2035-mall-demand-rises-125022000498_1.html
- [4]. Cao, T. H. (2025). *Việt Nam đẩy mạnh phát triển công nghệ số - trụ cột chiến lược cho sự chuyển mình trong kỷ nguyên số hóa và hội nhập toàn cầu*. *Tạp chí Quản lý Nhà nước*. <https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/05/29/viet-nam-day-manh-phat-trien-cong-nghe-so-tru-cot-chien-luoc-cho-su-chuyen-minh-trong-ky-nguyen-so-hoa-va-hoi-nhap-toan-cau/>
- [5]. Carnegie Endowment. (2024). *A tech policy planning guide for India-Beyond the first 100 days*. <https://carnegieendowment.org/research/2024/11/tech-policy-planning-guide-in-dia?lang=en>
- [6]. Chính phủ Việt Nam. (2020). *Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*.
- [7]. Department of Financial Services. (2024). *Growth of various modes of digital payment*. <https://financialservices.gov.in/beta/en/page/growth-various-modes-digital-payment>
- [8]. Digital India. (2022). *Growth story*. <https://www.digitalindia.gov.in/growth-story/>
- [9]. European Payments Council. (2024). *UPI: Revolutionising real-time digital payments in India*. <https://www.europeanpaymentscouncil.eu/news-insights/insight/upi-revolutionising-real-time-digital-payments-india>
- [10]. International Trade Administration. (2024a). *India - Digital economy*. <https://www.trade.gov/country-commercial-guides/india-digital-economy>
- [11]. International Trade Administration. (2024b). *Vietnam - Digital economy*. <https://www.trade.gov/country-commercial-guides/vietnam-digital-economy>
- [12]. Lã, D. (2025). *Hạ tầng số - “Xương sống” cho kinh tế số Việt Nam phát triển*. *Tạp chí Tài chính*. <https://tapchitaichinh.vn/ha-tang-so-xuong-song-cho-kinh-te-so-viet-nam-phat-trien.html>
- [13]. Mekong ASEAN. (2023). *70% người Ấn Độ sẽ chọn điện thoại công nghệ 5G vào năm 2025*. <https://mekongasean.vn/70-nguoi-an-do-se-chon-dien-thoai-cong-nghe-5g-vao-nam-2025-5966.html>
- [14]. Ministry of Electronics and Information Technology. (2015). *Digital India: Power to empower*. <https://www.digitalindia.gov.in/about-us/>

- [15]. Ministry of Planning and Investment (MPI). (2024). *Digital transformation in businesses for a sustainable digital economy*. <https://www.mpi.gov.vn/en/Pages/2024-10-11/Digital-transformation-in-businesses-for-a-sustainable-growth.aspx>
- [16]. Mordor Intelligence. (2025). *India fintech market size, share, trends & growth drivers (2025-2030)*. <https://www.mordorintelligence.com/industry-reports/india-fintech-market>
- [17]. Organisation for Economic Co-operation and Development (OECD). (2019). *Going digital: Shaping policies, improving lives*. OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/9789264312012-en>
- [18]. Press Information Bureau (PIB), Government of India. (2025a). *Contribution of digital economy to GDP and employment*.
- [19]. Press Information Bureau (PIB), Government of India. (2025b). *India's digital economy to contribute one-fifth of nation income by 2029-30*. <https://www.pib.gov.in/PressReleaseIframePage.aspx?PRID=2097125>
- [20]. Reuters. (2025). *India IT minister praises DeepSeek's low-cost AI, compares it with own investment approach*. <https://www.reuters.com/technology/india-it-minister-praises-deepseek-low-cost-ai-compares-it-with-own-investment-2025-01-30/>
- [21]. The Economic Times. (2024). *India to be \$1 trillion digital economy by FY28: IT minister Rajeev Chandrasekhar*.
- [22]. Trọng Đại. (2025). *Vietnam's digital economy expands at record pace, now 18.3% of GDP*. VietnamNet. <https://vietnamnet.vn/en/vietnam-s-digital-economy-expands-at-record-pace-now-18-3-of-gdp-2369146.html>
- [23]. United Nations Conference on Trade and Development (UNCTAD). (2024). *Digital economy report 2024*. https://unctad.org/system/files/official-document/der2024_en.pdf
- [24]. Vietnam-Briefing. (2025). *Vietnam's economic outlook for 2025 and key sectors for investors*. <https://www.vietnam-briefing.com/news/vietnams-economic-outlook-for-2025-push-for-digitalization-and-sustainability.html/>
- [25]. Vision of Humanity. (2024). *Digital India: Bridging the divide in the world's largest democracy*. <https://www.visionofhumanity.org/digital-india-bridging-the-divide-in-the-worlds-largest-democracy/>
- [26]. VnEconomy. (2024). *Digital economy in growth*. <https://en.vneconomy.vn/digital-economy-in-growth.htm>

DIGITAL ECONOMY DEVELOPMENT: INDIA'S EXPERIENCE AND IMPLICATIONS FOR VIETNAM

Dang Thu Thuy¹

Abstract: *The digital economy is becoming a key driver of global growth, profoundly reshaping business models, social interaction, and national governance (OECD, 2019). In this context, India has emerged as one of the world's largest and most dynamic digital markets, with the digital economy contributing 11.74% of GDP in 2022-23 and projected to reach nearly 20% of GDP by 2029-30 (PIB, 2025a). This paper provides a comprehensive analysis of India's digital economy—from its scale and growth trajectory to its leading sectors, enabling policies, and remaining challenges. It also assesses the current status and potential of Vietnam's digital economy, which accounted for roughly 16.5% of GDP in 2023 and is targeting 30% by 2030 (VnEconomy, 2024; UNCTAD, 2024). By comparing the two countries, the paper distills lessons learned and policy recommendations to help Vietnam maximize opportunities and overcome challenges in the digital era, advancing toward sustainable development.*

Keywords: *digital economy, experience, India, Vietnam*

¹ Vietnam Academy of Social Sciences (VASS)